

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-8-2019.

“V/v tranh chấp HNGĐ -
Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Bích Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương H**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp Bình H, xã Bình T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp;

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp 1, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018; biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Phương H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 15/8/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2018, anh T luôn có hành vi chửi mắng chị H và nói nặng lời với cha mẹ vợ. Chị H đã nhiều lần chịu đựng mong anh T có thể thay đổi tính tình nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 10/2018

đến nay. Trong thời gian ly thân này, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm với nhau.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017. Hiện nay, con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị H thống nhất giao con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng vì con chung từ nhỏ đã sống với anh T và hiện nay con chung vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/6/2019 anh Nguyễn Minh T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T, chị H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 15/8/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H muốn vợ chồng về bên nhà chị H sống nhưng anh T không đồng ý. Ngoài ra, anh T cho rằng chị H có người đàn ông khác nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 11/2018 đến nay chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột sống. Vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 11/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương H.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017. Hiện nay, con chung đang sống với anh T. Từ khi chị H bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống thì con chung do anh T nuôi dưỡng, hiện nay con chung vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trọng K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh T có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H vì chị H, anh T thừa nhận hôn nhân giữa chị H với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và chị H với anh T thống nhất ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H, anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày: 07/4/2017. Con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng từ khi còn nhỏ cho đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng; Tại phiên tòa chị H thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng vì cho rằng từ khi anh T nuôi con cho đến nay con chung vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung nên đề nghị xét xử theo hướng giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Phương H có đơn yêu cầu ly hôn với Nguyễn Minh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Minh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 1, xã Phong M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thuận là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H, anh T kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2018 tại UBND xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh do đó hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Chị H cho rằng đời sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận đời sống hôn nhân giữa anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn là có thật. Hiện nay, anh T, chị H đã ly thân nhau. Sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Do đó, hội đồng xét xử nhận định đời sống hôn nhân giữa chị H với anh T xảy ra mâu thuẫn là có thật vì được các bên thừa nhận. Hiện nay, chị H, anh T đã

ly thân và không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và mỗi người đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm nhau. Do đó, đủ cơ sở để kết luận hôn nhân giữa chị H với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017. Hiện nay, con chung đang sống với anh T. Tại phiên tòa, chị H đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, mặc dù con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng hiện nay con chung đang sống với anh T. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân (tháng 11/2018) cho đến nay con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị H có thăm con và thừa nhận con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên chị H đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2017 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H vì chị H với anh T thống nhất ly hôn. Con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày: 07/4/2017 chị H đồng ý để anh T nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được nuôi con chung và con chung hiện nay do anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị xét xử theo hướng giao con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày: 07/4/2017 cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006294 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 07/4/2019. Chị Nguyễn Thị Phương H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Phương H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006294 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà